

Số: 135/2019/QĐST-HNGĐ

Q, ngày 04 tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 150/2019/TLST- HNGĐ ngày 8 tháng 10 năm 2019 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Bùi Thị Thu O, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Khu 5, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh

2. Anh Phạm Văn H, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Khu 5, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thu O tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Yên Hưng (nay là Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã Q), tỉnh Quảng Ninh vào ngày 29 tháng 11 năm 2000. Nên hôn nhân giữa chị O và anh H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, chị O và anh H sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và tính cách dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Chị O và anh H đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị O và anh H xác định vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn và cùng có đơn yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị O và anh H. Xét thấy, việc chị O và anh H thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị O và anh H có 02 con chung là Phạm Việt H, sinh ngày 14/9/2001 và Phạm Nhật N, sinh ngày 9/5/2009. Ly hôn, con chung Phạm

Việt H đã thành niên nên chị O và anh H không yêu cầu Toà án giải quyết. Chị O và anh H thoả thuận giao con chung là Phạm Nhật N cho chị O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Nhật N là 2.000.000 đ (*Hai triệu đồng*)/1 tháng tính từ tháng 11/2019 đến khi cháu Nam thành niên. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Xét thấy, việc thoả thuận nêu trên của chị O và anh H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị O và anh H thỏa thuận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Việc thỏa thuận nêu trên của chị O và anh H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quyền tự quyết định và định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị O và anh H thỏa thuận chị O có nghĩa vụ nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 25/10/2019), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận chị Bùi Thị Thu O và anh Phạm Văn H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Bùi Thị Thu O và anh Phạm Văn H có 02 con chung là Phạm Việt H, sinh ngày 14/9/2001 và Phạm Nhật N, sinh ngày 9/5/2009. Ly hôn, con chung Phạm Việt H đã thành niên nên chị O và anh H không yêu cầu Toà án giải quyết. Chị O và anh H thoả thuận giao con chung là Phạm Nhật N, sinh ngày 9/5/2009 cho chị O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Nhật N là 2.000.000 đ (*Hai triệu đồng*)/1 tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 11/2019 đến khi con chung Phạm Nhật N thành niên. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng vào giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Bùi Thị Thu O và anh Phạm Văn H thỏa thuận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Chị Bùi Thị Thu O và anh Phạm Văn H thỏa thuận vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Bùi Thị Thu O và anh Phạm Văn H thỏa thuận chị O có nghĩa vụ nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Nhưng được trừ đi số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí chị O đã nộp theo biên lai thu số 0001562 ngày 8 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Chị Bùi Thị Thu O đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND thị xã Q;
- Chi cục THADS TX Q;
- UBND phường Q;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Bùi Thị Tố Nga